

NỘI DUNG CỦA KHÁI NIỆM "PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG" VÀ CON ĐƯỜNG ĐẢM BẢO TỒN TẠI VÀ PHÁT TRIỂN TIẾP THEO CỦA LOÀI NGƯỜI

PGS.TS. Đỗ Minh Hợp

Viện Khoa học Xã hội Việt Nam

TS. Nguyễn Chí Hiếu

Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh

Khái niệm “phát triển bền vững” được đưa ra và sử dụng để biểu thị một chiến lược phát triển mới của loài người nhằm khắc phục khủng hoảng toàn cầu đe dọa sự tồn tại của loài người. Do vậy, để hiểu rõ nội hàm của khái niệm này cần làm sáng tỏ khủng hoảng toàn cầu ấy và logic nhận thức về nó, về con đường khắc phục nó để rút cuộc dẫn tới khái niệm “phát triển bền vững”. Người ta (đặc biệt là Câu lạc bộ Rome) đã viết và nói rất nhiều về tính tất yếu và tính chất của khủng hoảng này¹. Theo chúng tôi, thực chất của nó là sự không phù hợp giữa sức mạnh của nền văn minh hiện đại với mục đích lành mạnh của xã hội, là sự không phù hợp giữa những nhu cầu vật chất tăng lên vô hạn của con người với nguồn tài nguyên hữu hạn của hành tinh và là sự vắng mặt quan niệm về trách nhiệm của mỗi cá nhân đối với số phận của cộng đồng loài người. Điều này có nghĩa

việc tuân thủ các nguyên tắc và các giá trị đã được phê chuẩn, quy định phát triển của xã hội có thể sẽ mang lại những hậu quả bi đát nhất cho loài người. Loài người đã cần phải cải tổ tính chất và cơ chế tiến hóa của mình. Phát triển bền vững chính là thử nghiệm xác định chiến lược cải tổ như vậy. Vì vậy, chúng ta cần liệt kê một số sự kiện hiển nhiên có liên quan tới khủng hoảng nêu trên.

Thứ nhất, đó là sự nóng lên của khí hậu do thải vào khí quyển khí cacbonic và các chất khí “nhà kính” khác. Nếu sự nóng lên tiếp diễn thì những hậu quả của nó sẽ rất tai hại và tai hại nhất là nó làm thay đổi cấu trúc của hoàn lưu khí quyển; *Thứ hai*, tính đa dạng sinh học sẽ liên tục giảm, điều này làm giảm lượng trữ ổn định của sinh quyển như một hệ thống phức tạp; *Thứ ba*, đô thị hóa, tiêu thụ chất ma túy, gây ô nhiễm môi trường không những làm cho điều kiện sinh hoạt và sức khỏe của con người trở nên xấu đi mà còn làm cho quỹ gen của loài người trở nên

¹ Đỗ Minh Hợp, Nguyễn Kim Lai. *Những vấn đề toàn cầu trong thời đại ngày nay*. Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2005, tr. 189-192.

trầm trọng; *Thứ tư*, vấn đề Malthus đặt ra trở nên đặc biệt gay gắt. Vấn đề này hiện nay cần được trình bày như sau: Sự không phù hợp giữa những nhu cầu của loài người với các khả năng của hành tinh đáp ứng những nhu cầu ấy đe dọa bản thân sự tồn tại của loài người. Song, điều nguy hiểm và bi đát nhất đối với con người là việc đánh mất tính ổn định của sinh quyển, là khả năng chuyển sinh quyển sang trạng thái mới loại trừ khả năng tồn tại của con người. Khả năng này cho tới nay chưa được ý thức rõ.

Như vậy, chúng ta đang trải qua thời đại “khủng hoảng”, song khác với khủng hoảng quá khứ, chúng ta có *tri thức* và *niềm tin* rằng, tri thức ấy có thể giúp chúng ta bước vào một kỷ nguyên thịnh vượng mới. Nhưng, để niềm tin đó trở thành hiện thực, chúng ta phải có khả năng khắc phục những quan niệm, quan điểm, thế giới quan mà hoạt động của chúng ta, phát triển của xã hội từ trước tới nay vẫn căn cứ trên đó và đã đưa tới khủng hoảng hiện nay. Chúng ta tin tưởng rằng, loài người đủ sáng suốt để hoạch định chiến lược cần thiết cho đời sống xã hội, xây dựng các chuẩn mực ứng xử và các lý tưởng cần hướng tới. Song, thời gian không chờ đợi loài người và thảm họa khó tránh khỏi.

Tư tưởng chinh phục tự nhiên và nguồn tài nguyên vô tận được F.Bacon đưa ra ở thế kỷ XVII và khẳng định hiệu quả của mình trong thực tiễn thời Phục Hưng và đặc biệt thời Khai Sáng ở châu Âu. Những thành tựu

khoa học – kỹ thuật tạo ra quan niệm về sức mạnh ngày một gia tăng của nền văn minh. Con người không những đạt tới “tri thức tuyệt đối” mà còn thực hiện được giả thuyết táo bạo nhất về tương lai của mình. Hệ chuẩn “sức mạnh tuyệt đối” này vẫn đang có ảnh hưởng quyết định đến thế giới quan và lối ứng xử của cộng đồng loài người, bất chấp mọi hậu quả tai hại².

Song, ngay ở thế kỷ XVIII, Malthus đã đưa ra cảnh báo đầu tiên về những nguy hiểm sinh ra từ việc thực hiện nguyên tắc “chinh phục”. Malthus thực ra đã đưa ra một tư tưởng sáng suốt rằng, những nhu cầu của con người cần phải phù hợp với khả năng hiện thực của Tự nhiên đáp ứng chúng. Mặc dù vậy, lời cảnh báo này đã bị bỏ qua. Hơn nữa, người ta không nhận thấy đóng góp quan trọng của Malthus và các môn đệ của ông là đã tạo ra hoài nghi rằng, phát triển của văn minh phương Tây dựa trên các tư tưởng của chủ nghĩa duy lý cổ điển và nguyên tắc “chinh phục Tự nhiên” của triết học Khai Sáng đi theo con đường đúng đắn³.

Vào giữa thế kỷ XIX, Ivan Odoevski đưa ra câu nói tuyệt vời: “*Chủ nghĩa duy lý đưa chúng ta đến ngưỡng cửa các chân lý, song chắc gì nó sẽ mở chúng ra cho chúng ta*”. Chủ nghĩa vũ trụ Nga nói tới sự cần

² Đỗ Minh Hợp, Nguyễn Thanh, Nguyễn Anh Tuấn. *Đại cương lịch sử triết học phương Tây trước Mác*. Nxb. Đại học Tổng hợp Hồ Chí Minh, Tp. HCM., 2008, tr. 360-384.

³ Мальтус Т. – trong: *Глобалистика. Энциклопедия, том 1*. Изд. Радуга, Москва, 2003, tr. 534-535.

thiết tìm kiếm con đường phát triển khác của văn minh nhân loại so với các chuẩn mực được văn minh phương Tây xác lập. Tuy nhiên, các tư tưởng này cũng bị bỏ qua. Vào năm 1904, Vernadski đưa ra lời nói mang tính vạch thời đại rằng, loài người trở thành lực lượng cơ bản cải biến địa lý hành tinh và phải gánh vác lấy trách nhiệm về phát triển tiếp theo không những của xã hội mà cả của Tự nhiên⁴. Đây là cơ sở của học thuyết về tuệ quyền, theo đó lý tính loài người trở thành nhân tố quyết định phát triển của Tự nhiên. Nhiều nhà khoa học (Teilhard de Chardin, Leroua, v.v...) đã quan tâm tới tính chất phát triển của văn minh nhân loại và dự đoán khả năng thay đổi hướng phát triển của nó⁵.

Sau khi bom nguyên tử được ném xuống Hiroshima và Nagasaki, vấn đề phát triển tiếp theo của loài người bắt đầu được thảo luận rộng rãi. Vào năm 1972, UNESCO tổ chức hội nghị tại Veneze để bàn về những vấn đề toàn cầu thời hiện đại. Báo cáo “Giới hạn tăng trưởng” của Câu lạc bộ Rome là sự kiện trung tâm. Giáo sư trẻ tuổi người Mỹ D.Medouz chỉ rõ tính tất yếu của thảm họa sinh ra từ giai đoạn phát triển xã hội hiện nay nếu loài người tiếp tục tuân thủ các xu hướng phát triển hiện đại. Nhà triết học người Nga

N.Moiseev khẳng định tình hình đặc biệt nghiêm trọng và loài người cần xây dựng các cơ sở cho *chiến lược khoa học về phát triển* của mình⁶.

Như vậy, nguy cơ khủng hoảng sinh thái toàn cầu đã trở nên hiển nhiên ở đầu những năm 1970, thậm chí không phải khủng hoảng mà là thảm họa toàn cầu. Song, phải cần tới 20 năm để những người cầm quyền hiểu được đó không phải là bịa đặt vô ích của các nhà khoa học, mà là tiến trình tự nhiên đe dọa bình an của cả loài người. Và điều quan trọng nhất là chính các chính khách cần phải thông qua những quyết định chi phối số phận của văn minh nhân loại, chính họ phải chịu trách nhiệm lớn về tương lai của loài người.

Cộng đồng loài người hiện nay chưa có khả năng thông qua những quyết định như vậy. Song, chúng cần được công bố rộng rãi nhằm ghi nhận sự rủi ro và hướng dư luận thế giới vào sự cần thiết tìm kiếm hành động tập thể và chiến lược phát triển toàn cầu. Cần tổ chức hội nghị các chính khách bàn về những vấn đề toàn cầu. Chính hội nghị như vậy ở cấp nguyên thủ quốc gia đã diễn ra tại Rio de Janeiro năm 1992.

Bản thân việc tổ chức nó là một sự kiện trọng đại, là một bước tiến lớn đến việc xem xét lại các cơ sở của văn minh thế giới, đến việc tạo dựng chiến lược phát triển toàn cầu

⁴ Вернадский В.И. - trong: *Глобалистика. Энциклопедия, том 1*. Изд. Радуга, Москва, 2003, tr. 103-104.

⁵ Тейяр де Шарден – trong: *Новая философская энциклопедия, том 4*. Изд. Мысль, Москва, 2001, tr. 23-24.

⁶ *Giới hạn của sự tăng trưởng* – trong: Đỗ Minh Hợp, Nguyễn Kim Lai. *Những vấn đề toàn cầu trong thời đại ngày nay*. Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2005, tr. 287-289.

tương lai. Hội nghị như vậy là cần, song đã quá muộn. Nó làm cho các nhà khoa học thất vọng vì chưa vươn lên tới trình độ khoa học đủ cao. Nhưng điều quan trọng nhất là nó chưa dám nhìn thẳng vào sự thật: Quan niệm của các chính khách hiện đại vẫn bị trói buộc bởi những khuôn sáo truyền thống. Lợi ích kinh tế và chính trị của đại diện các nước phát triển nhất không cho phép họ khước từ chúng, vì việc thay đổi hệ chuẩn (paradigme) văn minh hiện đại đặc biệt trầm trọng đối với các nước này.

Nguyên tắc “sustainable development” được tuyên bố thay cho điều đó, nó khẳng định không cho phép sử dụng không hạn chế và không giám sát tài nguyên và làm ô nhiễm môi trường. Tất nhiên là cần ủng hộ nguyên tắc như vậy. Nhưng chỉ dừng lại ở tuyên bố kiểu đó trong điều kiện hiện đại là rất không đủ và nguy hiểm. Kết thúc hội nghị như vậy là thất bại còn vì một nguyên nhân nữa: Nguyên tắc “sustainable development” được đưa ra dưới hình thức khiến cho cộng đồng thế giới lĩnh hội nhiệm vụ thực hiện nó như một phương thuốc vạn năng – làm xuất hiện quan niệm rằng, loài người đã sở hữu cẩm nang khắc phục khủng hoảng và đã biết con đường phát triển bình an. Dư luận xã hội không còn lo lắng sâu sắc đến bối cảnh sinh thái⁷.

Liên từ “sustainable development” khó dịch sang tiếng Việt. Nó cần được hiểu là phát triển được phép hay phù hợp với trạng thái của Tự nhiên và các quy luật của nó. Dẫu sao các tác giả của nó (Ủy ban Quốc tế do bà Brutland chỉ đạo) đã hàm ý nói tới chính điều đó. Chúng ta dịch là “phát triển bền vững” và đưa vào các văn kiện Nhà nước. Cách dịch như vậy vô nghĩa về mặt ngôn ngữ, vì đơn giản không có phát triển bền vững: nếu có phát triển thì không có ổn định (bền vững). Hơn nữa, việc tuyên bố nó thiếu bình chú là nguy hiểm, vì nó có thể làm xuất hiện các ảo tưởng vô căn cứ. Tuy nhiên, vì thuật ngữ “phát triển bền vững” đã ăn sâu vào ý thức, nên không nên loại bỏ nó, mà cần đem lại cho nó nghĩa phù hợp với nội dung khoa học của vấn đề và các nhu cầu hiện thực của xã hội, quay trở lại với nghĩa ban đầu của nó.

Theo chúng tôi, bản thân thuật ngữ xuất phát “sustainable development” cần được làm rõ nghĩa. Một số thập niên trước đây, các chuyên gia nghiên cứu vấn đề phát triển của các hệ sinh thái đã đưa ra thuật ngữ “sustainability” có quan hệ với phát triển của quần thể hoạt động sống trong một hệ sinh thái cụ thể (hố sinh thái). Nó có nghĩa là phát triển của quần thể cần diễn ra như thế nào để không phá hủy tính toàn vẹn của hệ sinh thái bao chứa chúng và, đến lượt mình, hoạt động sống của hệ sinh thái không áp chế hoạt động của quần thể. Muộn hơn, Thủ tướng Na Uy, bà Brutland lãnh đạo Ủy ban,

⁷ Устойчивлого развития концепция - trong: *Глобалистика. Энциклопедия, том 2*. Изд. Радуга, Москва, 2003, tr. 1052-1071.

đưa ra thuật ngữ “sustainable development” có thể nhờ loại suy thuật ngữ sinh học.

Thuật ngữ này xuất hiện ở các chính khách dưới dạng thỏa hiệp giữa nhận thức khoa học về thực tại hiện đại với mong muốn của các thủ lĩnh chính trị tiến cử triển vọng lạc quan hơn so với của các nhà khoa học song lại thuận tiện hơn cho doanh nhân lớn, cần thiết cho những người đang thực sự cai trị thế giới và quan ngại mọi bất ổn toàn cầu. Do vậy, cần ý thức rõ rằng, nguyên tắc này không phải là “vốn sống để vào đời”.

Để đưa nghĩa phù hợp với những nhu cầu hiện đại của loài người vào thuật ngữ “phát triển bền vững”, cần nhận thức rõ triển vọng quan hệ qua lại giữa Tự nhiên và xã hội được tẩy sạch khỏi những ảo tưởng siêu lạc quan của những người biện hộ kinh tế thị trường và những ảo tưởng siêu bi quan tước mất nghị lực và khát vọng tìm tòi của con người, cần phải loại bỏ ảo tưởng và đánh giá khả năng của loài người thực hiện mục đích mong muốn (còn cần được hình thành). Không nên bịa đặt mục đích: Nó tích hợp khát vọng của con người và tri thức về những khả năng hiện thực. Nói cách khác, mục đích là khát vọng được soi rọi nhờ phê phán của tư duy khoa học.

Hiện nay có hai quan điểm cực đoan về con đường phát triển khả thể của xã hội loài người. Theo quan điểm thứ nhất, triển vọng của loài người là tự dưỡng (autotrophie), tức là không phụ thuộc vào Tự nhiên, dựa trên

chu chuyển vật chất và “giới tự nhiên thứ hai” (nhân tạo). Tư tưởng này có ý nghĩa thực tiễn nhất định, song không phải cho việc tìm kiếm chiến lược sống của con người trong sinh quyển. Hơn nữa, tư tưởng tự dưỡng như tương lai mong muốn của loài người nằm ngoài khoa học: Con người do sinh quyển sinh ra, là một bộ phận cấu thành của nó, cuộc sống của loài người như một loài sinh vật (*homo sapiens*) trong tương lai gần ở bên ngoài sinh quyển là một không tưởng nhằm nhí và tai hại. Nếu loài người muốn duy trì mình trên Trái Đất, thì trước hết cần phải quan tâm tới hiện tại, tới tương lai trước mắt và nỗ lực khắc phục những trở ngại không tránh khỏi trong cuộc sống của mình trên Trái Đất.

Tuy nhiên, điều đó không có nghĩa là không nên nghiên cứu chu chuyển vật chất nhân tạo và “sinh quyển nhân tạo”. Song, định hướng tương lai của loài người vào việc thực hiện tự dưỡng có nghĩa là đi theo không tưởng tai hại. Theo chúng tôi, không có giải pháp kỹ thuật cho khủng hoảng toàn cầu hiện nay. Phát triển kỹ thuật là cần để bắc chiếc cầu nối vào tương lai, nhưng chưa đủ: Nền văn minh phải đổi khác, thế giới tinh thần của con người, nhu cầu, tâm tính của nó phải đổi khác vì khủng hoảng toàn cầu hiện nay có nguyên nhân chính của mình là con người, là thế giới nội tâm của nó, và tiến hóa tiếp theo của loài người (nếu nó sẽ được đảm bảo) và cả của Tự nhiên sẽ nằm trong lĩnh vực tuệ quyền. Do vậy, cần phải tìm kiếm giải pháp trong bản thân con người, trong việc thay đổi cá tính của nó và xã hội do

những cá tính như vậy tạo dựng. Lịch sử phát sinh loài người đã đạt tới giới hạn, khi mà lý tính tập thể của loài người cần phải can thiệp vào nó.

Quan điểm thái cực khác trong vấn đề khắc phục khủng hoảng sinh thái toàn cầu giả định có thể dừng lại ở việc bảo vệ Tự nhiên và cho rằng, con người cần hòa nhập với các chu trình sinh quyển tự nhiên, tức là sống theo các quy luật của Tự nhiên “hoang sơ” như quy định hoạt động sống của các loài sinh vật khác.

Đây cũng là không tưởng nguy hiểm. Hoạt động bảo vệ tự nhiên tất nhiên là cần, song không nên lẫn lộn điều kiện cần với điều kiện đủ, và điều cơ bản không phải là ở đó. Giống như bất kỳ loài sinh vật nào khác, loài người tích cực can thiệp vào các quá trình dẫn tới tiến hóa của sinh quyển, làm thay đổi cấu trúc của các chu trình địa sinh hóa, tức các phương thức chuyển hóa và sử dụng năng lượng: hoạt động sống, mục đích tồn tại của họ là như vậy. Chỉ có thể nói về khả năng cân bằng tương đối của họ với những quá trình tự nhiên khác. Song, điều này là không thể trong tương lai trước mắt. Do vậy, cần có “con đường thứ ba”.

Tuy nhiên, cả hai quan điểm trên không nên bị loại bỏ hoàn toàn, vì chúng trước hết đặt ra vấn đề quan trọng – cân bằng sinh quyển. Cân bằng sinh quyển chưa bao giờ tồn tại và không thể tồn tại, kể cả trước khi con người xuất hiện. Trái Đất liên tục nhận

được năng lượng mặt trời, song nó cũng bức xạ năng lượng vào vũ trụ. Số lượng năng lượng nhận và năng lượng bức xạ là tương đương, song lại khác nhau về chất (tần số phát xạ), sinh quyển tiếp nhận và tích tụ khác biệt ấy. Khác biệt này rất quan trọng: Mọi thứ diễn ra trên bề mặt Trái Đất đều phụ thuộc vào nó, nó có khả năng duy trì phát triển liên tục của vỏ bọc ngoài cùng Trái Đất, thay đổi tổ chức của bề mặt ấy.

Khi nói tới “phát triển” thay cho “tiến hóa”, chúng tôi hàm ý nói tới hình thức tiến hóa không ngừng làm phức tạp thêm tổ chức của sinh vật trong sinh quyển và làm gia tăng tính đa dạng về hình thức tổ chức của nó. Sự xuất hiện của con người – tác nhân của lý tính – trên Trái Đất là một trong những biểu hiện về phát triển của sinh quyển.

Như vậy, không phụ thuộc vào con người, sinh quyển liên tục biến đổi, tích tụ năng lượng mặt trời và điều quan trọng nhất – liên tục thay đổi cấu trúc của năng lượng tiếp nhận, cải biến nó thành khúc xạ nhiệt. Các đặc trưng tổng thể về sinh quyển và thậm chí số lượng sinh vật trong thành phần của nó luôn biến đổi rất ít và chậm chạp, bất chấp vắng mặt cân bằng. Vào những năm 20 thế kỷ XX, người ta sử dụng khái niệm “bất cân bằng bền vững” để nêu đặc trưng hiện tượng như vậy. Nói chặt chẽ, cách diễn đạt này là nhằm nhí về mặt khoa học và ngữ nghĩa. Nhưng đó chính là sustainability được các nhà sinh học hiện đại sử dụng để chỉ phát

triển liên tục, duy trì tính toàn vẹn của hệ thống và tiềm năng tự phát triển.

Sinh quyển Trái Đất là một hệ thống phi tuyến phức tạp, trong đó diễn ra tương tác liên tục giữa các cơ chế khác nhau làm thay đổi tổ chức của nó. Các cơ chế này thực hiện nhiều mối liên hệ ngược khẳng định và phủ định. Các cơ chế điều tiết sinh học đóng vai trò đặc biệt trong những quan hệ ngược phủ định. Chính chúng có khả năng duy trì các tham số sinh quyển trong giới hạn chấp nhận được đối với sự sống. Sinh quyển tồn tại 4 tỉ năm là minh chứng rõ nhất cho điều đó.

Dĩ nhiên, không thể luận giải phát triển của bất kỳ hệ thống nào chỉ nhờ dựa vào tồn tại của riêng các cơ chế điều tiết sinh học. Vốn chịu trách nhiệm về sự phi ổn định hóa (phi bền vững hóa), về sự xuất hiện những thăng giáng, những chệch hướng, về sự phức tạp hóa tổ chức, cụ thể là về các cơ chế hợp tác thường xuyên nhằm hợp nhất những yếu tố riêng biệt thành hệ thống, chỉ có các cơ chế liên hệ ngược khẳng định có khả năng đảm bảo phát triển đích thực, tức là làm gia tăng liên tục tính đa dạng và phức tạp về hình thức tổ chức của sinh vật.

Chúng ta chỉ có thể nói về tính ổn định của sinh quyển trên quy mô toàn cầu, song cũng rất tương đối. Thủy tổ của sinh quyển (lớp tiền tầng sinh gổ) chỉ có thể sống trong điều kiện khí quyển không có oxy, song chúng tạo ra oxy trong quá trình quang hợp, mà oxy là chất độc hủy diệt đối với chúng.

Quá trình này ngày một gia tăng: Khí quyển ngày càng có hàm lượng oxy lớn hơn và nó không còn thích hợp đối với sự sống của lớp tiền tầng sinh gổ. Tức là sinh vật có không những tác động ổn định hóa mà cả tác động phá hủy đến các đặc trưng của sinh quyển. Nhưng các liên hệ ngược khẳng định khác đã tạo ra một kiểu sự sống mới – loại cây ngọc trâm hấp thụ oxy, sự sống trên Trái Đất không đơn giản được duy trì mà còn nhận được kích thích mới để phát triển. Lớp tiền sinh gổ bị đẩy xuống hàng thứ yếu, chỉ giữ lại chức năng “nền tảng của sinh vật”.

Đó chính là lý do làm cho nghịch lý ngữ nghĩa trở thành sự luận giải thuận tiện về thực tại: Mất cân bằng bền vững sustainability toàn cầu, như biểu thị thuộc tính tự tổ chức của sinh quyển, đảm bảo kết hợp giữa các cơ chế phi ổn định hóa với các cơ chế điều tiết sinh học trong khuôn khổ phát triển liên tục của nó, tức là làm phức tạp thêm tổ chức của nó.

Con người xuất hiện trên Trái Đất nhờ quá trình rất mâu thuẫn như vậy (được gọi là tiến hóa). Lúc đầu, can thiệp của nó vào cấu trúc chu chuyển vật chất, vào tác động của các cơ chế tự nhiên là không đáng kể, song cũng đủ làm thay đổi cấu trúc các chu trình địa sinh hóa và tác động đến các cơ chế tự tổ chức của sinh quyển, cải biến năng lượng tiếp nhận từ Mặt Trời. Nhưng sử dụng dần dần các trữ lượng năng lượng và vật chất được sinh quyển tích tụ hàng trăm triệu năm,

đưa chúng vào quá trình chuyển hóa năng lượng và thay đổi tính chất tổ chức vật chất, con người đe dọa chính “bất cân bằng bền vững”, tức tính chất biến đổi chu trình vật chất tự nhiên đã cho phép con người xuất hiện trong sinh quyển. Và, bây giờ nó trở thành “lực lượng cải biến địa lý” cơ bản trên hành tinh. Hoạt động của con người chuẩn bị ngày tàn của kỷ nguyên loài người⁸.

Chắc gì sinh quyển sẽ biến mất do hoạt động của con người, nó chỉ thay đổi các đặc trưng của mình, qua đó tự cải tổ và dẫn tới một sinh quyển mới. Điều này đòi hỏi phải tìm kiếm con đường phát triển mới của loài người. Đây là một *chiến lược phát triển toàn cầu mới*.

ý thức về mối nguy hiểm chung hợp nhất mọi người, buộc họ phải cùng nhau tìm kiếm phương tiện để thoát khỏi thảm họa đang đến và cùng nhau hành động để tránh khỏi nó. Sau mấy thế kỷ khai hoàn của tư tưởng về tiến bộ, của niềm tin và sức mạnh toàn năng của lý tính, nay đã đến thời gian của những lo âu, thời gian cần phải ý thức được nguy cơ của thảm họa đang đến gần, cần phải hợp nhất sức mạnh để bảo đảm sự sống còn của nhân loại giữ một không gian tự nhiên độc đáo trong vũ trụ và, với sự phát triển nhanh chóng và hoạt động tích cực của mình, đang hoài nghi cả việc duy trì không gian ấy lẫn tương lai của bản thân mình⁹.

Ý thức nguy hiểm toàn cầu đang dần dần được phổ biến. Cộng đồng thế giới bắt đầu thông qua các văn kiện, số môn đệ của học thuyết về tuế quyền - lĩnh vực trí tuệ bảo đảm đồng tiến hoá hài hoà của con người và tự nhiên - tăng lên và được thừa nhận. Điều đó được thể hiện trong quan điểm "sustainable development". Nguyên tắc cơ bản của quan điểm toàn cầu về phát triển bền vững là đơn giản và dễ hiểu: Quan hệ qua lại giữa tự nhiên và xã hội, khai thác tự nhiên phải được tổ chức như nào đó để không xâm phạm các quyền và khả năng của thế hệ hiện tại và tương lai. Điều đó giả định phải hình thành một chiến lược quốc gia và toàn cầu dài hạn, có tính đến lợi ích của các thế hệ tương lai. Điều này tự thân nó là mang tính tiến bộ và kìm hãm khát vọng của những người cố đạt tới thành công và lợi nhuận trước mắt bằng mọi giá mà không quan tâm tới tương lai. Nhưng, như vậy là còn ít, cần phải tạo ra và sử dụng "đòn bẩy Asimed" cho phép thay đổi hẳn các xu hướng dẫn tới bế tắc tự phá huỷ của xã hội. Hiện tại chưa có đòn bẩy có luận cứ khoa học và hữu hiệu như vậy.

Có thể nhận thấy quan điểm "sustainable development" bị ràng buộc bởi các khuôn sáo truyền thống đáp ứng lợi ích thương mại và chính trị của các nước phát triển, lựa chọn những định hướng hạn chế, làm suy giảm trạng thái căng thẳng tốt độ của các phong trào sinh thái bằng “phương thuốc” dường như đã phát hiện ra để khắc

⁸ Đỗ Minh Hợp. *Diện mạo triết học phương Tây hiện đại*. Nxb. Hà Nội, Hà Nội, 2006, tr. 10-22.

⁹ Е.Гуссерль. *Наука и кризис европейского человечества*. Изд. Наука, Москва, 1997, tr. 19-40.

1. Quyền ưu tiên của con người. Trong các hợp tuyển, các văn kiện và các phong trào sinh thái, quyền ưu tiên thường được dành cho việc bảo vệ sinh quyển, thế cân bằng tự nhiên. Người ta xuất phát từ mục đích chủ yếu này khi hình thành các yêu cầu đối với phát triển của nhân loại (giảm dân số, hạn chế nhu cầu, v.v.). Việc tuân theo quan điểm giả danh khoa học này có thể đưa tới suy thoái của nhân loại. Đương nhiên, giới tự nhiên mang tính thứ nhất đối với con người và xã hội, họ đơn giản không thể tồn tại mà không bảo vệ không gian sinh sống rất hạn hẹp và ổn định. Nhưng, sau khi tách ra khỏi tự nhiên, loài người bắt đầu phát triển theo các quy luật riêng của mình mà ngày càng có tính độc lập lớn hơn đối với các quy luật tự nhiên. Trong kiểu di truyền sinh thái xã hội thống nhất của con người, với mỗi giai đoạn mới trong phát triển của xã hội thì "cái xã hội" lại bắt đầu chiếm ưu thế so với "cái sinh học", song không có triển vọng một khi nào đó khước từ hay tách rời khỏi "cái sinh học".

Khi tăng cường tác động đến sinh quyển, đến các quá trình địa lý, khi cải tạo chúng bằng sức mạnh lý tính và lao động tập thể của mình, khi biến đổi môi trường tự nhiên bao quanh vì mục đích của mình, con người không được quên khuôn khổ có giới hạn của không gian sinh thái của mình, những hậu quả tai hại không đảo ngược được nếu các tài nguyên hữu hạn không phục hồi được sẽ cạn kiệt và quá trình tự tái sản xuất của sinh quyển sẽ bị phá hủy.

Khi có tính đến việc phổ biến các công nghệ tiết kiệm nguyên liệu và việc tăng tỷ trọng dịch vụ trong cơ cấu tiêu dùng cá nhân, có thể giả định mức tiêu thụ tài nguyên thiên nhiên và quy mô làm ô nhiễm môi trường tự nhiên bao quanh sẽ tăng ở mức độ nhỏ nhất. Mặc dù vậy, chúng sẽ tăng lên, và mục đích chủ yếu của chiến lược dài hạn là bảo đảm số lượng tiêu dùng cá nhân của dân số ngày một tăng khi làm tổn hại ít nhất cho tự nhiên, cho môi trường bao quanh, nhưng cả điều đó cũng không giải quyết được triệt để vấn đề. Tức là, phải tiến hành một chính sách dân số - sinh thái đồng nhất, cho phép làm cho tài nguyên thiên nhiên và những hạn chế của nó thích ứng với những biến đổi về dân số và nhu cầu của dân cư, làm cho động thái dân số thích ứng với khả năng về tài nguyên và các hạn chế sinh thái.

2. Kết hợp cách tiếp cận toàn cầu và cách tiếp cận văn minh. Các quá trình và các vấn đề sinh thái, dân số đều mang tính

chất toàn cầu. Không thể hợp lý hoá và giải quyết chúng trong khuôn khổ một nước và thậm chí một nền văn minh khu vực (mặc dù làm điều đó thiếu nỗ lực của chúng là không hiện thực), do vậy các định hướng chủ yếu của chiến lược toàn cầu phải được các trí tuệ tốt nhất hành tinh luận chứng, phải được mọi quốc gia, mọi liên minh quốc gia, mọi tổ chức quốc tế hình thành rõ ràng và thực hiện vào cuộc sống. Thiếu điều đó thì chiến lược như vậy sẽ chỉ là hảo huyền, là tổng số dự định tốt đẹp phủ đầy con đường đưa tới thảm họa sinh thái toàn cầu.

Một điều khác cũng hiển nhiên không kém là nhân loại vừa thống nhất vừa phân hoá, và tính đa dạng của nó là cơ sở để tồn tại và thích nghi với các điều kiện sinh thái - tự nhiên khác nhau của phát triển thắng lợi. Một điều dễ hiểu là chiến lược toàn cầu thống nhất không có khả năng tính đến toàn bộ tính đa dạng của những cộng đồng và định hướng phát triển của họ. Có triển vọng hơn là cách tiếp cận văn minh, là chiến lược toàn cầu có tính đến những đặc thù của các nền văn minh khu vực được hợp nhất nhờ thống nhất về văn hoá (cả tôn giáo), số phận lịch sử, kinh tế, chế độ nhà nước, tâm tính. Khi có tính đến thực tế đó sẽ hoàn toàn thực tế và cần thiết phải phân hoá chiến lược sinh thái toàn cầu theo các nền văn minh và làm cho họ trở thành các chủ thể tích cực trong việc bảo đảm hợp tác giữa các nước để giải quyết những vấn đề dân số và sinh thái chung.

3. Đột phá công nghệ - con đường chính để thực hiện chiến lược toàn cầu.

Nếu nhân loại có thể cải tiến điều kiện tự nhiên cho tồn tại và phát triển của mình ở mức độ rất nhỏ, còn các xu hướng của động thái dân số lại thay đổi chậm, thì nguồn dự trữ chủ yếu phụ thuộc vào lý tính, ý chí và lao động của con người, để thực hiện chiến lược toàn cầu là bước đột phá công nghệ, là bước chuyển sang phương thức sản xuất công nghệ hậu công nghiệp được sinh thái hoá. Kinh nghiệm lịch sử cho thấy, nhân loại nhiều lần bị lâm vào khủng hoảng, và mỗi lần lại chuyển lên một trình độ phát triển công nghệ mới, cho phép khắc phục khủng hoảng, mở ra khoảng không để đẩy nhanh tăng trưởng kinh tế và phát triển xã hội. Logic tiến hoá của các công nghệ công nghiệp đã đặt nhân loại bên bờ thảm họa sinh thái toàn cầu. Cũng sẽ không ngăn chặn được thảm họa nếu không nắm bắt các công nghệ mới về nguyên tắc, bảo vệ tự nhiên cùng với các mục đích xã hội khác.

4. Sinh thái hoá nền kinh tế toàn cầu.

Chiến lược toàn cầu ở thế kỷ XXI không thể được thực hiện nếu các nguồn dự trữ và các cơ chế kinh tế không được sinh thái hoá ở mức độ cần thiết.

5. Định hướng của xã hội công dân toàn cầu, của các tổ chức liên quốc gia và của luật quốc tế. Chiến lược toàn cầu dài hạn chỉ có cơ hội trở thành hiện thực nếu nó

dựa vào các quy phạm pháp luật được thừa nhận và cơ chế thực hiện chúng.

6. Các nhân tố văn hoá xã hội trong hoạch định và thực hiện chiến lược toàn cầu. Con người thực hiện mọi cải biến trong xã hội - từ trong gia đình đến trong cộng đồng thế giới - nhờ xuất phát từ trình độ tri thức, văn hoá, ý thức hệ, các chuẩn tắc đạo đức, lợi ích và khát vọng của họ. Do vậy, mọi phương hướng và nhân tố nêu trên trong việc hoạch định và thực hiện chiến lược toàn cầu đều phụ thuộc vào mức độ mà các tư tưởng chủ yếu của nó thâm nhập vào ý thức của con người và trở thành động cơ cho hoạt động có mục đích rõ ràng của tập thể.

7. Giáo dục liên tục. Việc thực hiện chương trình toàn cầu sẽ không trở thành hiện thực và bổ sung cho chuỗi những ý nguyện tốt đẹp chưa được thực hiện, nếu nó không trở thành một trong các rường cột của hệ thống giáo dục và đào tạo liên tục cho các thế hệ ở thế kỷ XXI. Song, điều quan trọng là thế hệ tiếp theo mà thời gian đến ở đầu thế kỷ XXI, và các thế hệ đi sau họ không lặp lại sai lầm trước đây, là họ xuất phát từ một thế giới quan mới, có khả năng giải quyết các vấn đề phức tạp, tìm ra lối thoát trong bối cảnh khủng hoảng, bi đát. Để làm điều đó không những cần phải có đào tạo và giáo dục như tái hiện tri thức, thói quen, chuẩn tắc đạo đức đang thống trị trong các thế hệ mai sau, mà còn phải đào tạo và giáo dục căn cứ trên hệ chuẩn mới, trên việc hình thành con người

định hướng vào sự đồng tiến hoá hài hoà của tự nhiên và của xã hội.

8. Ưu tiên bảo đảm nguồn dự trữ cho chiến lược toàn cầu. Bất kỳ chiến lược nào, kể cả chiến lược có mục đích rõ ràng và có luận cứ nhất, cũng sẽ là hão huyền nếu nó không được củng cố bằng các nguồn dự trữ đầy đủ. Cũng cần phải có các thiết chế quốc tế chịu trách nhiệm về việc thực hiện chiến lược toàn cầu. Đây sẽ là một hệ thống thiết chế liên quốc gia chịu trách nhiệm hoạch định chiến lược toàn cầu dài hạn và điều chỉnh nó theo giai đoạn, soạn thảo các quy phạm luật, giám sát việc các nước và các công ty xuyên quốc gia chấp hành chúng, giải quyết các bất đồng quốc tế nảy sinh, trừng phạt những vi phạm có tính chất quốc tế. Song, điều kiện quan trọng để ngăn chặn thảm họa là loại trừ chiến tranh ra khỏi số phương tiện đạt tới mục đích chính trị và giải quyết xung đột nảy sinh theo chu kỳ, ngăn chặn xung đột quân sự giữa các nền văn minh có thể đem lại thiệt hại không bù đắp được cho cả dân cư lẫn sinh quyển. Việc phi quân phiệt xã hội và kinh tế trở thành nguồn kinh phí lớn nhất có thể cho các mục đích sinh thái và xã hội. Được dùng để tạo ra vũ khí huỷ diệt con người, các giá trị văn hoá và vật chất, để nuôi dưỡng và trang bị quân đội, số kinh phí ấy lớn gấp mấy lần số kinh phí

dành cho mục đích sinh thái¹⁰. Việc thay đổi vai trò ưu tiên trong phát triển xã hội, việc chuyển sang hợp tác giữa các nước và các nền văn minh cho phép tìm ra kinh phí đủ để thực hiện chiến lược sinh thái toàn cầu.

Ở thời đại toàn cầu hoá và hình thành xã hội hậu công nghiệp cần phải có quan điểm lý luận mới và chiến lược quốc gia, văn minh và toàn cầu có hiệu quả, bảo đảm được sự đồng tiến hoá hài hoà của tự nhiên và xã hội khi có tính đến lợi ích của thể hệ hiện tại và của thể hệ tương lai để ngăn chặn nguy cơ biến Trái Đất thành hành tinh hoang tàn trong vũ trụ bao la. Nói một cách có hình ảnh: Chúng ta cần phải xây dựng Cung điện Minos.

Cung điện Minos trên đảo Kritis - đó là trung tâm và biểu tượng cho văn hoá Kritis huyền bí, Minos ở một điểm nào đó báo trước các đặc điểm của xã hội hậu công nghiệp tương lai. Theo đánh giá của các nhà khảo cổ học, lý tưởng Thiện, Mỹ đã đạt được, đã thống trị ở đây. Thiếu một trình độ tri thức khoa học xác định, không thể xây dựng Cung điện Minos tuyệt diệu, không thể có nền kinh tế thịnh vượng. Các nhà khoa học giả định đó là xã hội cùng với lãnh tụ của bộ lạc đứng đầu, được cai quản dựa trên các nguyên tắc của chế độ dân chủ nguyên

thủy, không phân chia ra thành các giai cấp đối kháng và các nhóm chính trị. Lãnh tụ hoàn thành các chức năng cả của thủ lĩnh thế tục và của thủ lĩnh tôn giáo. Các toà nhà Cung điện được trang trí bởi những bích họa tuyệt trần một cách đa dạng và khéo léo, làm cho mọi người phải kinh ngạc vì những hình thái hoàn hảo và những màu sắc phong phú. Song, cuộc sống của cư dân không thanh bình. Theo thần thoại cổ, Vua Minos (từ đó là tên gọi của văn hoá - Minos) có cung điện dưới lòng đất – Mê cung, các lối đi lại của nó rất rối rắm, người bị rơi xuống đây không thể tìm ra lối thoát. Một con quỷ khát máu sống trong Mê cung – quái vật đầu người mình trâu (Minotavr), mỗi năm người ta hiến cho nó một số chàng trai và thiếu nữ tuyệt trần. Và chỉ người anh hùng Hy Lạp Tesei đã giết được quái vật và quay trở về nhờ nắm trong tay sợi chỉ từ cuộn chỉ mà con gái của Minos là Ariadna, người đem lòng yêu Tesei, ban tặng cho chàng.

Với kịch bản tốt đẹp, cư dân Trái Đất sẽ xây dựng được ở thế kỉ XXI một ngôi nhà tương tự Cung điện Minos, nhưng trên quy mô hành tinh, sẽ chiến thắng Minotavr - những thiên tai và những tai hoạ, thảm họa do con người tạo ra, thoát ra khỏi được mớ bòng bong những mâu thuẫn của thế giới hiện đại nhờ bám vào sợi chỉ của Ariadna do hệ chuẩn khoa học mới đan lại khi kết hợp với trực giác.

¹⁰ К.Яковец. *Глобализация и взаимодействие локальных цивилизаций* (Доклад римского клуба). Изд. Наука, Москва, 2002, tr. 280-307.